

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2024/ TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

HKTT: Tổ dân phố T, phường DS, thị xã M, tỉnh H

Bị đơn: Anh Lưu Đức D, sinh năm 1985

HKTT: Tổ dân phố T, phường DS, thị xã M, tỉnh H

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lưu Anh T, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2010

Cháu Lưu Anh V, sinh ngày 29 tháng 09 năm 2011

Đại diện theo pháp luật của cháu Lưu Anh T, Lưu Anh V

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

HKTT: Tổ dân phố T, phường DS, thị xã M, tỉnh H

+ Anh Lưu Đức D, sinh năm 1985

HKTT: Tổ dân phố T, phường DS, thị xã M, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 3 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 73; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D thuận tình ly hôn.

Về con chung:Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D có 02 con chung, cháu lớn là Lưu Anh T, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2010; Cháu thứ hai là Lưu Anh V, sinh ngày 29 tháng 09 năm 2011. Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D thỏa thuận giao hai cháu Lưu Anh T và cháu Lưu Anh V cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu Lưu Anh T và cháu Lưu Anh V đủ 18 tuổi

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D thỏa thuận thống nhất tự nguyện không yêu cầu tòa án đặt ra để giải quyết việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Chị L có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị Lan thực hiện quyền này.

Về tài sản; về công nợ; công sức và đất ruộng: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu Đức D cùng tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí:Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003443 ngày 07 tháng 08 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên chị Lan đã nộp đủ tiền án phí, số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) chị L tự nguyện sung quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự
- Viện kiểm sát thị xã Mỹ Hào
- Chi cục THADS thị xã Mỹ Hào
- Phòng KTNV và THA-TAND Tỉnh Hưng Yên
- UBND phường DS
- Lưu Hs vụ án

THÂM PHÁN

Nguyễn Thị Thơm